**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực của HĐND, UBND**

**thành phố Hải Phòng giai đoạn 2019 - 2022**

**--**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng năm ban hành văn bản** | **Tên gọi của văn bản** | **Thời điểm có hiệu lực** | **Ghi chú** |
| **I. LĨNH VỰC AN NINH TRẬT TỰ** |
| **1. BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ THÀNH PHỐ** |
|  | Nghị quyết | 06/2020/NQ-HĐND (TM) ngày 22/12/2020 | Phê chuẩn Đề án tổ chức lực lượng, huấn luyện, hoạt động và một số định mức chi cho Dân quân tự vệ thành phố giai đoạn 2021-2025. | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 13/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Về hỗ trợ công dân nhập ngũ, công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân hàng năm trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2022 |  |
| **2. CÔNG AN THÀNH PHỐ** |
|  | Nghị quyết | 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 | Quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn thành phố Hải Phòng được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực | 01/01/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[1]](#footnote-1) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 | Hết hiệu lực một phần: Điểm b khoản 1 Phụ lục số 04 về Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điểm b khoản 1 Phụ lục số 09 về Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Nghị quyết | 07/2020/NQ-HĐND ngày 22/07/2020 | Về việc phân bổ kinh phí đảm bảo trật tự an toàn giao thông và mức chi bồi dưỡng cho lực lượng thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2020 |  |
|  | Quyết định | 2962/QĐ-UB ngày 19/10/2001[[2]](#footnote-2) | Về nhiệm vụ quản lý trật tự công cộng- trật tự an toàn giao thông - vệ sinh môi trường-nếp sống văn minh đô thị tại dải Trung tâm thành phố | 19/10/2001 |  |
|  | Quyết định | 3107/2016/QĐ-UBND ngày 13/12/2016 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Hải Phòng | 15/12/2016 |  |
|  | Quyết định | 07/2021/QĐ-UBND ngày 07/04/2021 | Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/04/2021 |  |
|  | Quyết định | 09/2022QĐ-UBND ngày 25/02/2022 | Ban hành quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với nhà ở riêng lẻ và nhà ở riêng lẻ kết hợp kinh doanh, sản xuất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/02/2022 |  |
| **II. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG** |
|  | Quyết định | 2977/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 | Ban hành Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý, kinh doanh khai thác chợ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/01/2016 |  |
|  | Quyết định | 3434/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 | Về việc phê duyệt giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/01/2017 |  |
|  | Quyết định | 322/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017[[3]](#footnote-3) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng Kinh tế, Kinh tế và Hạ tầng thuộc Uỷ ban nhân dân quận, huyện | 26/02/2017 |  |
|  | Quyết định | 37/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 | Ban hành quy chế về trách nhiệm, quan hệ phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác đấu tranh, phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng gỉa | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 10/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 | Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng | 15/4/2019 |  |
|  | Quyết định | 21/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 | Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/7/2019 | Hết hiệu lực một phần: Cụm từ “*Trung tâm Tiết kiệm năng lượng và Sản xuất sạch hơn*” tại điểm b khoản 2 Điều 11 và khoản 6 Điều 12; Điều 9; nội dung *“đồng thời chuyển tạm ứng không quá 70% tổng kinh phí từng đề án về tài khoản của đơn vị thực hiện để triển khai thực hiện và thực hiện việc hỗ trợ theo tiến độ của đề án*” tại điểm b khoản 2 Điều 11; khoản 3 Điều 11 Quyết định 21/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019Lý do: Được bãi bỏ một phần tại Quyết định 25/2021/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Quyết định | 29/2019/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 | Về việc ban hành Quy định về "một cửa liên thông" trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/8/2019 |  |
|  | Quyết định | 35/2019/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp | 01/10/2019 |  |
|  | Quyết định | 46/2019/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 27/2020/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 | Ban hành Quy định cho phép sử dụng Thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc thành phố Hải Phòng | 30/10/2020 | Hết hiệu lực một phần: Nội dung “*Thời hạn tối thiểu 03 năm*” tại khoản 2 Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ- UBND.Lý do: Bị bãi một phần tại Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022. |
|  | Quyết định | 20/2021/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 | Ban hành Nội quy mẫu về chợ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/8/2021 |  |
|  | Quyết định | 25/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 | Quy định việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, đề án khuyến công thành phố Hải Phòng | 25/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 40/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 | Về Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/12/2021 |  |
|  | Quyết định | 18/2022/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 | Ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại thành phố Hải Phòng | 25/4/2022 |  |
|  | Quyết định | 32/2022/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công thương thành phố | 01/7/2022 |  |
|  | Quyết định | 35/2022/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 | Về việc phê duyệt giá dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Tân Liên và Cụm công nghiệp thị trấn Tiên Lãng | 20/7/2022 |  |
|  | Quyết định | 70/2022/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều quy chế quản lý và sử dụng kinh phí chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND thành phố | 20/12/2022 |  |
| **III. LĨNH VỰC DU LỊCH** |
|  | Quyết định | 2025/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 | Ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ các Hãng hàng không mở đường bay mới đi và đến Cảng hàng không quốc tế Cát Bi, thành phố Hải Phòng | 30/9/2016 |  |
|  | Quyết định | 41/2017/QĐ-UBND ngày 27/12/2017[[4]](#footnote-4) | Ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn thuộc Sở Du lịch | 10/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 26/2018/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 | Ban hành Quy chế quản lý bãi tắm du lịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/9/2018 |  |
|  | Quyết định | 01/2020/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động du lịch tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng | 22/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 26/2020/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động du lịch trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng | 15/10/2020 |  |
|  | Quyết định | 41/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Du lịch thành phố Hải Phòng | 20/8/2022 |  |
| **IV. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** |
|  | Nghị quyết | 06/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[5]](#footnote-5) | Quy định cơ chế chính sách trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi; tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ giáo viên giỏi trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thành phố Hải Phòng | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[6]](#footnote-6) | Về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 22/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 | Quy định mức thu học phí năm học 2019-2020 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 54/2019/NQ-HĐND ngày 9/12/2019 | Về chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/7/2020 |  |
|  | Nghị quyết | 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/08/2021[[7]](#footnote-7) | Quy định mức học phí năm học 2021-2022 đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp công lập thuộc thành phố Hải Phòng quản lý | 22/8/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 03/2021/NQ-HĐND ngày 12/08/2021 | Quy định mức học phí năm học 2021-2022 đối với các trường công lập (giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên) trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 22/8/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 04/2021/NQ-HĐND ngày 12/08/2021 | Quy định một số mức hỗ trợ thực hiện Nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 22/8/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố  | 01/8/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 03/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Quy định nội dung chi, mức chi cho việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 10/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về mức học phí năm học 2022-2023 đối với vơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 29/12/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 23/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Quy định nội dung và mức chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 29/12/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 24/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 29/12/2022 |  |
|  | Quyết định | 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 | Về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/12/2012 | Hết hiệu lực một phần: Điều 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 Quyết định số 2050/QĐ-UBNDLý do: Bãi một phần tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015[[8]](#footnote-8) | Về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng | 09/01/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điều 1; khoản 3, 4 Điều 2; Điều 5; Điều 6; khoản 4 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8; điểm b khoản 1 Điề 9; điểm a, đ, g, h khoản 1 Điều 10; khoản 1, 5, 7, 8 Điều 11; Điều 12; Điều 13; khoản 2, 3 Điều 14 Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định 2957/QĐ-UBND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 08/2020/QĐ-UBND ngày 22/4/2020 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố | 05/5/2020 |  |
|  | Quyết định | 31/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng | 29/11/2020 | Hết hiệu lực một phần: Quy định về thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 tại Phụ lục II Bảng tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị, chuyên dùng cho trường tiểu học; Quy định về thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 tại Phụ lục III Bảng tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị, chuyên dùng cho trường trung học cơ sở; Quy định về thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 và quy định về thiết bị dạy học tối thiểu lớp 6 tại Phụ lục V Bảng tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng cho trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND.Lý do: Được thay thế một phần tại Quyết định 35/2021/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Quyết định | 35/2021/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 18/11/2020 của UBND thành phố về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo thành phố Hải Phòng | 15/11/2021 |  |
|  | Quyết định | 16/2022/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 | Bãi bỏ một phần Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 14/3/2022 |  |
|  | Quyết định | 44/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 | Ban hành [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-44-2022-QD-UBND-chuc-nang-nhiem-vu-So-Giao-duc-Hai-Phong-526928.aspx) | 30/8/2022 |  |
| **V. LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI** |
|  | Nghị quyết | 32/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 | Về việc phê duyệt quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | 20/12/2014 |  |
|  | Nghị quyết | 42/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 | Thông qua Đề án phát triển giao thông vận tải nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên đảo Cát Bà đến năm 2025 | 01/01/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 11/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 | Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 32/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Quy hoạch giao thông vận tải đường bộ thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 21/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND thành phố | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | 2962/QĐ-UB ngày 19/10/2001[[9]](#footnote-9) | Về nhiệm vụ quản lý trật tự công cộng- trật tự an toàn giao thông- vệ sinh môi trường-nếp sống văn minh đô thị tại dải Trung tâm thành phố | 19/10/2001 |  |
|  | Quyết định | 575/QĐ-UBND ngày 14/4/2008 | Ban hành quy định quản lý hoạt động khai thác tàu khách cao tốc Bạch Long | 14/4/2008 |  |
|  | Quyết định | 2803/2014/QĐ- UBND ngày 11/12/2014 | Về việc ban hành Khung định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 11/12/2014 |  |
|  | Quyết định | 3231/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016[[10]](#footnote-10) | Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng | 01/01/2017 | Hết hiệu lực một phần: Điểm a, d, đ khoản 2 Điều 4; điểm c khoản 3 Điều 4; điểm a, d, e khoản 2 Điều 5; điểm c khoản 3 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3231/2016/QĐ-UBNDLý do: Được thay thế một phần tại Quyết định 30/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017[[11]](#footnote-11) | Ban hành Quy định về cơ chế hỗ trợ lãi xuất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 12/02/2017 | Hết hiệu lực một phầnLý do: Được thay thế một phần tại Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND |
|  | Quyết định | 21/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017[[12]](#footnote-12) | Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn thành phố | 15/11/2017 |  |
|  | Quyết định | 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018[[13]](#footnote-13) | Về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 về cơ chế hỗ trợ lãi suất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 05/9/2018 |  |
|  | Quyết định | 30/2019/QĐ-UBND ngày 21/8/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng và người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 3231/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố | 06/9/2019 |  |
|  | Quyết định | 36/2019/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 | Về việc phân cấp thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức bảo trì tài sản kết cấu hạ tẩng giao thông đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/10/2019 |  |
|  | Quyết định | 41/2019/QĐ-UBND ngày 7/11/2019 | Ban hành Quy định về quản lý, xóa bỏ lối đi tự mở qua đường sắt quốc gia trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 17/11/2019 |  |
|  | Quyết định | 18/2020/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 | Ban hành Quy định tổ chức giao thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/8/2020 |  |
|  | Quyết định | 39/2020/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 | Về việc ban hành Quy định về sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố không vào mục đích giao thông và thi công trên đường bộ đang khai thác trên địa bàn thành phố Hải phòng | 28/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 40/2020/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 | Ban hành Quy định quản lý khai thác, bảo trì các công trình đường bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 28/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 08/2021/QĐ-UBND ngày 08/04/2021 | Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động của bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/04/2021 |  |
|  | Quyết định | 09/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 | Quy định khung giá dịch vụ sử dụng nhà tại Bến Phà Gót- Cái Viềng, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng | 01/5/2021 |  |
|  | Quyết định | 19/2021/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 | Quy định về việc quản lý hoạt động của xe ô tô vận tải trung chuyển hành khách trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 29/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 | Ban hành quy chế quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố | 05/10/2021 |  |
|  | Quyết định | 33/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 | Phân cấp thẩm quyền thỏa thuận xây dựng, công bố hoạt động bến khách ngang sông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/11/2021 |  |
|  | Quyết định | 15/2022/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 | Quy định về khung giá dịch vụ sử dụng phà tại bến phà Lại Xuân, Dương Áo thành phố Hải Phòng | 01/4/2022 |  |
|  | Quyết định | 54/2022/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải thành phố Hải Phòng | 01/10/2022 |  |
|  | Quyết định | 59/2022/QĐ-UBND ngày 18/10/2022 | Ban hành quy định về thẩm định an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/11/2022 |  |
|  | Quyết định | 65/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 | Về việc phân cấp đăng ký quản lý và quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/12/2022 |  |
| **VI. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** |
|  | Nghị quyết | 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[14]](#footnote-14) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 | Hết hiệu lực một phần: Điểm b khoản 1 Phụ lục số 04 về Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điểm b khoản 1 Phụ lục số 09 về Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Quyết định | 1830/2008/QĐ-UBND ngày 28/10/2008 | Về việc ban hành quy chế quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Website đối thoại công tư của thành phố Hải Phòng | 28/10/2008 |  |
|  | Quyết định | 2947/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015[[15]](#footnote-15) | Ban hành quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó Trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư | 09/01/2016 |  |
|  | Quyết định | 2952/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn thành phố Hải Phòng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập | 09/01/2016 |  |
|  | Quyết định | 24/2020/QĐ-UBND ngày 10/09/2020 | Về việc thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án; dự toán chi phí lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 21/9/2020 |  |
|  | Quyết định | 33/2020/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 01/2021/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 | Về việc quy định cụ thể một số nội dung thực hiện pháp luật về đầu tư công trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/01/2021 |  |
|  | Quyết định | 11/2021/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 | Ban hành Quy chế phân cấp quản lý vốn đầu tư công đối với đơn vị hành chính cấp huyện thuộc thành phố Hải Phòng | 17/5/2021 |  |
|  | Quyết định | 36/2021/QĐ-UBND ngày 04/11/2021 | Quy định về việc báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư công trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 14/11/2021 |  |
|  | Quyết định | 58/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 30/10/2022 |  |
|  | Quyết định | 68/2022/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 | Quy chế phối họp trong công tác quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/12/2022 |  |
|  | Quyết định | 72/2022/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng | 20/12/2022 |  |
| **VII. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** |
|  | Nghị quyết | 08/2013/NQ-HĐND ngày 25/7/2013 | Về nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | 05/8/2013 |  |
|  | Quyết định | 2913/2014/QĐ- UBND ngày 24/12/2014 | Về việc ban hành quy chế phối hợp phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 03/01/2015 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 1 Điều 14 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 2913/2014/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 39/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 2613/2015/QĐ-UBND ngày 17/11/2015[[16]](#footnote-16) | Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng | 27/11/2015 |  |
|  | Quyết định | 2747/2015/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 | Về việc ban hành Quy định về tổ chức các Hội thi sáng tạo kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 14/12/2015 |  |
|  | Quyết định | 2848/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 | Về việc ban hành Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng | 31/12/2015 |  |
|  | Quyết định | 2949/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015[[17]](#footnote-17) | Về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ | 09/01/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điểm h, i, k khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 3; khoản 1, điểm a, b, đ khoản 2, khoản 3 Điều 4; khoản 1, điểm a, b, đ khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2949/2015/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 37/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 55/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 | Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Qũy phát triển khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng | 22/01/2016 |  |
|  | Quyết định | 351/2016/QĐ-UBND ngày 07/3/2016 | Về việc ban hành Quy định về giải thưởng khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 17/3/2016 |  |
|  | Quyết định | 37/2019/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số [2949/2015/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-2949-2015-qd-ubnd-tieu-chuan-dieu-kien-chuc-danh-lanh-dao-so-khoa-hoc-cong-nghe-hai-phong-300241.aspx) ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố | 15/10/2019 |  |
|  | Quyết định | 39/2019/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp phòng, chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2913/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố | 27/10/2019 |  |
|  | Quyết định | 28/2020/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 10/11/2020 |  |
|  | Quyết định | 31/2022/QĐ-UBND ngày 07/6/2022  | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng |  |  |
|  | Quyết định | 39/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 | [Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-39-2022-QD-UBND-chuc-nang-nhiem-vu-Chi-cuc-Tieu-chuan-Do-luong-Hai-Phong-524373.aspx) | 01/8/2022 |  |
|  | Quyết định | 64/2022/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa các tổ chức, cá nhân tham gia chuẩn bị ứng phó, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 30/11/2022 |  |
| **VIII. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI** |
|  | Nghị quyết | 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[18]](#footnote-18) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 32/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[19]](#footnote-19) | Về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố | 01/01/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 21/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 | Quy định mức hỗ trợ kinh phí cho người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 52/2019/NQ-HĐND ngày 9/12/2019 | Về cơ chế chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025 | 01/01/2020 |  |
|  | Nghị quyết | 53/2019/NQ-HĐND ngày 9/12/2019 | Về nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội và một số chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025 | 01/01/2020 |  |
|  | Nghị quyết | 02/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021[[20]](#footnote-20) | Quy định mức học phí năm học 2021-2022 đối với các trường đại học, cao đẳng, trung cấp công lập thuộc thành phố Hải Phòng quản lý | 22/8/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 04/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 11/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về quy định chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các nhóm đối tượng xã hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | 12/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về quy định chính sách hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | 917/QĐ-UBND ngày 16/6/2011 | Ban hành Quy chế phối hợp liên ngành phòng, chống tệ nạn mại dâm | 16/6/2011 |  |
|  | Quyết định | 2583/2014/QĐ- UBND ngày 25/11/2014 | Về việc ban hành quy chế phối hợp công tác thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 05/12/2014 |  |
|  | Quyết định | 491/2017/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 | Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/3/2017 |  |
|  | Quyết định | 30/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 | Ban hành Quy chế phối hợp, quản lý an toàn, vệ sinh lao động trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 28/2019/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 23/8/2019 |  |
|  | Quyết định | 32/2019/QĐ-UBND ngày 13/9/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện thanh tra chuyên ngành về lao động, an toàn, vệ sinh lao động vào ban đêm, ngoài giờ hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/9/2019 |  |
|  | Quyết định | 40/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 | Ban hành Quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/11/2019 |  |
|  | Quyết định | 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 | Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 13/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 | Ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý các phòng, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng | 22/6/2020 |  |
|  | Quyết định | 41/2020/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 | Quy định về quản lý, phân cấp quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 12/01/2021 |  |
|  | Quyết định | 03/2021/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 | Quy định về trợ giúp xã hội đối với người lang thang trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/02/2021 |  |
|  | Quyết định | 26/2021/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 | Quy định chính sách hỗ trợ người lao động tự do gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 24/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 42/2022/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 | [Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyet-dinh-42-2022-QD-UBND-chuc-nang-nhiem-vu-So-Lao-dong-Hai-Phong-525968.aspx) | 09/8/2022 |  |
|  | Quyết định | 55/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục phòng chống tệ nạn xã hội thành phố Hải Phòng | 05/10/2022 |  |
| **IX. LĨNH VỰC NỘI VỤ** |
|  | Nghị quyết | 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[21]](#footnote-21) | Về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | **23/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019** | Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | **27/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019** | Về cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 20/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 05/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Mức chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do thành phố quản lý | 01/8/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 18/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND thành phố | 09/12/2022 |  |
|  | Quyết định | 409/QĐ-UB ngày 31/6/1994[[22]](#footnote-22) | Về việc ban hành quy định tạm thời một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vỹ | 31/12/1993 | Hết hiệu lực một phần: Điểm c mục 1 phần III Quyết định 409/QĐ-UBLý do: Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 1373/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 |
|  | Quyết định | 33-QĐ/TCCQ ngày 05/01/1998[[23]](#footnote-23) | Về việc ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của nhà văn hóa xã, thị trấn. | 05/01/1998 |  |
|  | Quyết định | 2201/QĐ-UB ngày 16/11/2000 | Về việc ban hành quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Tổng đội thanh niên xung phong Hải Phòng | 01/12/2000 |  |
|  | Quyết định | 1373/QĐ-UBND ngày 19/6/2003[[24]](#footnote-24) | Sửa đổi khoản c mục 1 phần III Quyết định số 409/QĐ-UB ngày 31/6/1994 về việc ban hành quy định tạm thời một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vỹ | 19/6/2003 |  |
|  | Quyết định | 955/QĐ-UBND ngày 11/6/2008[[25]](#footnote-25) | Về việc quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ công chức, viên chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | 01/06/2008 |  |
|  | Quyết định | 74/QĐ-UBND ngày 14/01/2009[[26]](#footnote-26) | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng. | 24/01/2009 |  |
|  | Quyết định | 1816/2009/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 | Về việc ủy quyền, phân cấp quản lý cán bộ | 24/9/2009 |  |
|  | Quyết định | 2318/QĐ-UBND ngày 16/11/2009[[27]](#footnote-27) | Về việc ban hành Quy định về chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng | 16/11/2009 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 4 Quyết định số 2318/QĐ-UBNDLý do: Bãi một phần tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 479/QĐ-UBngày 13/4/2012[[28]](#footnote-28) | Về việc Chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 13/4/2012 |  |
|  | Quyết định | 1293/2012/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 | Về việc quy định không uống rượu bia trong giờ làm việc và giờ nghỉ trưa các ngày làm việc | 26/8/2012 |  |
|  | Quyết định | 914/2013/QĐ-UBND ngày 23/5/2013 | Về trách nhiệm của người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường trong công tác quản lý đô thị trên địa bàn thành phố | 03/6/2013 |  |
|  | Quyết định | 2030/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 | Quy định tiêu chuẩn các chức danh viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng, ban, đơn vị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng | 27/10/2013 | Hết hiệu lực một phần: Điểm a khoản 2, điểm a, c khoản 4 Điều 3; điểm a, b, đ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4; điểm a, b, đ khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 5 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2030/2013/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 07/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 2563/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 | Quyết định ban hành Quy định một số nội dung về tổ chức, hoạt động và trách nhiệm quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 05/01/2014 |  |
|  | Quyết định | 2492/2014/QĐ- UBND ngày 13/11/2014 | Ban hành quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 23/11/2014 |  |
|  | Quyết định | 2029/2015/QĐ-UBND ngày 07/09/2015 | Ban hành Quy định về cam kết không gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ | 17/9/2015 |  |
|  | Quyết định | 2853/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015[[29]](#footnote-29) | Về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Uỷ ban nhân dân quận, huyện tại thành phố Hải Phòng | 31/12/2015 |  |
|  | Quyết định | 2947/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015[[30]](#footnote-30) | Ban hành quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó Trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư | 09/01/2016 |  |
|  | Quyết định | 2949/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015[[31]](#footnote-31) | Về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ | 09/01/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điểm h, i, k khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 3; khoản 1, điểm a, b, đ khoản 2, khoản 3 Điều 4; khoản 1, điểm a, b, đ khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2949/2015/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 37/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015[[32]](#footnote-32) | Về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng | 09/01/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điều 1; khoản 3,4 Điều 2; Điều 5; Điều 6; khoản 4 Điều 7; điểm b khoản 1 Điều 8; điểm b khoản 1 Điề 9; điểm a, đ, g, h khoản 1 Điều 10; khoản 1, 5, 7, 8 Điều 11; Điều 12; Điều 13; khoản 2, 3 Điều 14 Quy định tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện thuộc thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định 2957/QĐ-UBND ngày 31/12/2015Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 310/2016/QĐ-UBND ngày 29/2/2016 | Về việc ban hành Bảng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với một số cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng | 10/3/2016 |  |
|  | Quyết định | 1319/2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2016[[33]](#footnote-33) | Ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Uỷ ban nhân dân quận, huyện | 18/7/2016 |  |
|  | Quyết định | 1563/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016[[34]](#footnote-34) | Ban hành quy định tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra thành phố, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quận, huyện, sở, ngành thành phố Hải Phòng | 14/8/2016 |  |
|  | Quyết định | 1878/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016[[35]](#footnote-35) | Về việc ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính; Trưởng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Uỷ ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 18/9/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điểm i Khoản 1 Điều 3; Điểm c Khoản 2 Điều 3; Điểm b Khoản 4 Điều 3; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 4; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 5; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 6; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 7 của Quy định ban hành theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 |
|  | Quyết định | 1900/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016[[36]](#footnote-36) | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hải Phòng | 23/9/2016 |  |
|  | Quyết định | 2118/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016[[37]](#footnote-37) | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng | 06/10/2016 |  |
|  | Quyết định | 2406/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 | Ban hành Quy chế khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ lịch sử thành phố | 30/10/2016 |  |
|  | Quyết định | 2593/2016/QĐ-UBND ngày 27/10/2016[[38]](#footnote-38) | Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng | 06/11/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điểm a, khoản 2, Điều 4 của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2593/2016/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 3231/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016[[39]](#footnote-39) | Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và Người đứng đầu, Cấp phó người đứng đầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giao thông vận tải Hải Phòng | 01/01/2017 | Hết hiệu lực một phần: Điểm a, d, đ khoản 2 Điều 4; điểm c khoản 3 Điều 4; điểm a, d, e khoản 2 Điều 5; điểm c khoản 3 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3231/2016/QĐ-UBNDLý do: Được thay thế một phần tại Quyết định 30/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 309/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017[[40]](#footnote-40) | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng | 25/02/2017 |  |
|  | Quyết định | 322/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017[[41]](#footnote-41) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng các phòng Kinh tế, Kinh tế và Hạ tầng thuộc Uỷ ban nhân dân quận, huyện | 26/02/2017 |  |
|  | Quyết định | 403/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017[[42]](#footnote-42) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng; Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị thuộc Uỷ ban nhân dân quận | 01/3/2017 |  |
|  | Quyết định | 1283/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017[[43]](#footnote-43) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng | 05/6/2017 |  |
|  | Quyết định | 04/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 | Ban hành Quy chế xét, tôn vinh danh hiệu "Doanh nghiệp tiêu biểu" và "Doanh nhân tiêu biểu" thành phố Hải Phòng | 01/8/2017 | Ngưng hiệu lực một phần: Điều 12, Điều 14 Quy chế ban hành theo Quyêt định số 04/2017/QĐ-UBNDLý do: Được đình chỉ tại Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 |
|  | Quyết định | 41/2017/QĐ-UBND ngày 27/12/2017[[44]](#footnote-44) | Ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn thuộc Sở Du lịch | 10/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018[[45]](#footnote-45) | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 15/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 21/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 | Ban hành Quy chế hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 23/8/2018 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 1 Điều 3; Điều 4; Điều 5; Điều 6; khoản 2, 6 Điều 7; Điều 8; Điều 10; Điều 13; Điều 15; Điều 16 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 14/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 23/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018[[46]](#footnote-46) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông | 15/9/2018 |  |
|  | Quyết định | 30/2018/QĐ-UBND ngày 9/10/2018 | Ban hành Quy định về trách nhiệm và đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành, UBND quận, huyện trong thực hiện cải cách hành chính nhà nước | 25/10/2018 |  |
|  | Quyết định | 35/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018[[47]](#footnote-47) | Ba hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND huyện tại thành phố Hải Phòng | 10/12/2018 |  |
|  | Quyết định | 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 | Ban hành Quy chế xét tặng danh hiệu "Gương mặt tiêu biểu thành phố Hải Phòng" | 24/12/2018 |  |
|  | Quyết định | 38/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018[[48]](#footnote-48) | Ban hành quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND thành phố, Chánh Văn phòng, phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 28/12/2018 |  |
|  | Quyết định | 39/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018[[49]](#footnote-49) | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện chức danh Trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính, Trưởng, phó trưởng phòng Tài chính - kế hoạch thuộc UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 của UBND thành phố | 5/01/2019 |  |
|  | Quyết định | 06/2019/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 | Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng | 20/3/2019 |  |
|  | Quyết định | 07/2019/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 | Sửa đổi bổ sung một số điều quy định về tiêu chuẩn các chức danh viên chức lãnh đạo, quản lý cấp phòng, ban, đơn vị trực thuộc Đài Phát thanh và truyền hình Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 2030/2013/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của UBNDTP | 20/3/2019 |  |
|  | Quyết định | 14/2019/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND thành phố | 20/5/2019 |  |
|  | Quyết định | 20/2019/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 | Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/7/2019 |  |
|  | Quyết định | 38/2019/QĐ-UBND ngày 07/10/2019 | Ban hành Quy định tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Sở Nội vụ và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng. | 20/10/2019 |  |
|  | Quyết định | 47/2019/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 | Ban hành Quy định xét tặng danh hiệu "Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tiêu biểu" thành phố Hải Phòng | 26/12/2019 |  |
|  | Quyết định | 48/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 | Ban hành Quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng. | 01/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 10/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 | Về số lượng và bố trí các chức vụ và chức danh cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/5/2020 |  |
|  | Quyết định | 14/2021/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 | Ban hành Quy chế phối hợp công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/6/2021 |  |
|  | Quyết định | 22/2021/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 | Quy định về tiêu chuẩn, tổ chức tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 05/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 28/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 | Ban hành Quy định về công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/10/2021 |  |
|  | Quyết định | 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 | [Quy định về nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-08-2022-QD-UBND-quan-ly-to-chuc-bo-may-cong-chuc-hanh-chinh-Hai-Phong-505832.aspx) | 15/3/2022 |  |
|  | Quyết định | 10/2022/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 | [Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ do thành phố Hải Phòng ban hành](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyet-dinh-10-2022-QD-UBND-nang-bac-luong-truoc-han-can-bo-cong-chuc-xuat-sac-Hai-Phong-507696.aspx) | 15/3/2022 |  |
|  | Quyết định | 21/2022/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 | Sửa đổi, bô sung một số điều của Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định 20/2019/QĐ-UBND | 16/5/022 |  |
|  | Quyết định | 25/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng | 01/6/2022 |  |
|  | Quyết định | 57/2022/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế tổ chức và hoạt động của thôn,tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 21/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 và quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố | 20/10/2022 |  |
|  | Quyết định | 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 | Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng | 15/11/2022 |  |
|  | Quyết định | 71/2022/QĐ-UBND ngày 06/12/2022 | sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý công chức tại các cơ quan hành chính nhà nước của thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố | 20/12/2022 |  |
|  | Quyết định | 76/2022/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 | Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ban Tôn giáo tực thuộc Sở Nội vụ thành phố Hải phòng | 01/01/2023 |  |
| **X. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** |
|  | Nghị quyết | 09/2013/NQ-HĐND ngày 25/7/2013 | Về thông qua quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng đến năm 2020 | 25/7/2013 |  |
|  | Nghị quyết | 25/2015/NQ-HĐND ngày18/12/2015 | Về việc thông qua Quy hoạch phát triển kinh tế thủy sản thành phố Hải Phòng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030 | 28/12/2015 |  |
|  | Nghị quyết | 04/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 | Về nhiệm vụ và giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 | 03/4/2016 |  |
|  | Nghị quyết | 19/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 | Quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất rau, quả trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 26/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 | Quy định mức hỗ trợ kinh phí thủy lợi nội đồng trên địa bàn thành phố HP | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 13/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 | Quy định chính sách hỗ trợ hệ thống giám sát tàu cá cho ngư dân thành phố Hải Phòng | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 05/2021/NQ-HĐND ngày 12/08/2021 | Quy định hỗ trợ thực hiện tháo dỡ các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải | 22/8/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 14/2021/NQ-HĐND ngày 0/12/2021 | Về việc xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2021-2025 | 21/12/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 15/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2022 - 2025 | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 19/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | về nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Quy định nội dung, nhiệm vụ chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/8/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 20/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Quyết định khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | 22/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 12/8/2021 của HĐND thành phố quy định hỗ trợ thực hiện tháo dỡ các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, huyện Cát Hải | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | 239/QĐ-UBND ngày 22/02/2012[[50]](#footnote-50) | Về chính sách hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 20/02/2012 | Hết hiệu lực một phần: Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 1; Mục 2.2.2, Khoản 2, Điều 1; Đoạn 4 mục 2.2.2 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 239/QĐ-UBNDLý do: Đã bị bãi bỏ một phần tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 2722/2015/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 | Về việc ban hành Quy chế xét công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 14/12/2015 |  |
|  | Quyết định | 2724/2015/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 | Về việc quy định chi tiết chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2015-2020 | 14/12/2015 |  |
|  | Quyết định | 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 | Ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý, sử dụng Qũy phòng chống thiên tai thành phố Hải Phòng | 25/8/2016 |  |
|  | Quyết định | 309/2017/QĐ-UBND ngày 15/02/2017[[51]](#footnote-51) | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hải Phòng | 25/02/2017 |  |
|  | Quyết định | 03/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017[[52]](#footnote-52) | Về giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/7/2017 |  |
|  | Quyết định | 07/2017/QĐ-UBND ngày 25/8/2017 | Về việc ban hành Quy định điều kiện, tiêu chí lựa chọn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình đầu tư, cải tạo, mở rộng dự án cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 04/9/2017 |  |
|  | Quyết định | 24/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 | Về việc ban hành Quy chế quản lý cảng cá, bến cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/12/2017 |  |
|  | Quyết định | 28/2018/QĐ-UBND ngày 20/9/2018 | Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 5/10/2018 |  |
|  | Quyết định | 33/2018/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 | Ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi và đê điều trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 5/12/2018 |  |
|  | Quyết định | 35/2018/QĐ-UBND ngày 23/11/2018[[53]](#footnote-53) | Ba hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo cấp Trưởng, cấp Phó các tổ chức trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc UBND huyện tại thành phố Hải Phòng | 10/12/2018 |  |
|  | Quyết định | 09/2019/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 | Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hải phòng | 05/4/2019 |  |
|  | Quyết định | 18/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 | Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/6/2019 |  |
|  | Quyết định | 22/2019/QĐ-UBND ngày 12/7/2019 | Ban hành Quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp Văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển; Quy định về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá hoạt động trong nội địa trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Quyết định | 50/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 | Ban hành Quy định Đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản, chi phí đầu tư trên đất và mặt nước nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2020 | Hết hiệu lực một phần: Điểm a khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 2, Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Quyết định 50/2019/QĐ-UBNDLý do: Đã bãi bỏ một phần tại thế Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Quyết định | 52/2019/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 | Ban hành quy định cụ thể về thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 14/2020/QĐ-UBND ngày17/6/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố | 01/7/2020 |  |
|  | Quyết định | 16/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 | V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND TP quy định mức hỗ trợ sản xuuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai,, dịch bệnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/7/2020 |  |
|  | Quyết định | 17/2020/QĐ-UBND ngày 08/7/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức, hoạt động và quản lý sử dụng Quỹ Phòng chống thiên tai thành phố Hải Phòng ban hành theo Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của UBND thành phố | 20/7/2020 |  |
|  | Quyết định | 30/2020/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 | Quy định về canh tác hữu cơ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 02/2021/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 | Ban hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng thành phố Hải Phòng | 30/01/2021 |  |
|  | Quyết định | 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 | Quy định về phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/10/2021 |  |
|  | Quyết định | 32/2021/QĐ-UBND ngày 7/10/2021 | Ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/10/2021 |  |
|  | Quyết định | 38/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 | Quy định khung giá rừng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/11/2021 |  |
|  | Quyết định | 39/2021/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 | Quy định khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/12/2021 |  |
|  | Quyết định | 46/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 | Về việc kéo dài thời hạn áp dụng Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND thành phố quy định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 31/12/2021 |  |
|  | Quyết định | 14/2022/QĐ-UBND ngày 11/3/2022 | Quy định hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/4/2022 |  |
|  | Quyết định | 50/2022/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 | Quy định yêu cầu về phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/9/2022 |  |
|  | Quyết định | 61/2022/QĐ-UBND ngày 24/10/2022  | Quy định về nội dung chi và mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Hải Phòng | 10/11/2022 |  |
|  **XI. LĨNH VỰC NGOẠI VỤ** |
|  | Nghị quyết | 12/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Hải Phòng; chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Hải Phòng và chế độ tiếp khách trong nước  | 01/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 2593/2016/QĐ-UBND ngày 27/10/2016[[54]](#footnote-54) | Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng | 06/11/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điểm a, khoản 2, Điều 4 của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2593/2016/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 06/2020/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số [2593/2016/QĐ-UBND](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-2593-2016-qd-ubnd-tieu-chuan-dieu-kien-chuc-danh-lanh-dao-quan-ly-so-ngoai-vu-hai-phong-328425.aspx) ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 10/4/2020 |  |
|  | Quyết định | 38/2020/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 | Về tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 42/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | Quyết định ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Cổng thông tin đối ngoại đa ngôn ngữ thành phố Hải Phòng | 10/01/2021 |  |
|  | Quyết định | 45/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 | Ban hành Quy chế quản lý việc đi nước ngoài; quản lý và sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 15/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 69/2022/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 | Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng | 15/12/022 |  |
| **XII. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH** |
|  | Nghị quyết | 11/2007/NQ-HĐND ngày 25/9/2007[[55]](#footnote-55) | Về một số giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí; thực hành tiết kiệm nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/10/2007 |  |
|  | Nghị quyết | 148/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 | Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng | 01/01/2017 | Hết hiệu lực một phần: Điểm c khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND; khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND; 06/2021/NQ-HĐND; 11/2021/NQ-HĐND |
|  | Nghị quyết | 24/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 | Sửa đổi Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND thành phố về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng | 01/01/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 06/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[56]](#footnote-56) | Quy định cơ chế chính sách trong phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi; tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ đội ngũ giáo viên giỏi trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi quốc gia, quốc tế thành phố Hải Phòng | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 09/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 | Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị sử dụng ngân sách địa phương | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 10/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[57]](#footnote-57) | Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố; Quy định mức trích kinh phí từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 11/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[58]](#footnote-58) | Về chế độ chi hỗ trợ đối với lao động hợp đồng vị trí nấu ăn trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[59]](#footnote-59) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 19/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 | Về việc quy định thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp huyện, cấp xã và thời hạn UBND các cấp gửi báo cáo quyết toán ngân sách đến Ban của HĐND, Thường trực HĐND và HĐND cùng cấp | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 32/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[60]](#footnote-60) | Về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố | 01/01/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 37/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 | Quy định mức chi bảo đảm hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[61]](#footnote-61) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 | Hết hiệu lực một phần: Điểm b khoản 1 Phụ lục số 04 về Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điểm b khoản 1 Phụ lục số 09 về Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Nghị quyết | 20/2019/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 | Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 08/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 | Quy định mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban tư vấn thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 09/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 | Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 06/2021/NQ-HĐND ngày 12/08/2021 | Sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 148/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 của HĐND thành phố về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển Hải Phòng | 22/8/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 07/2021/NQ-HĐND ngày 04/11/2021 | Quy định chính sách đặc thù trong công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 04/11/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 09/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Về việc ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Quy định một số chế độ, định mức chi tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp thành phố Hải Phòng | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 17/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 12/3/2020 của HĐND thành phố về một số nhiệm vụ, giải pháp phòng chống dịch Covid-19, ổn định tình hình kinh tế - xã hội thành phố | 10/12/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 09/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | 409/QĐ-UB ngày 31/6/1994[[62]](#footnote-62) | Về việc ban hành quy định tạm thời một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vỹ | 31/12/1993 | Hết hiệu lực một phần: Điểm c mục 1 phần III Quyết định 409/QĐ-UBLý do: Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định 1373/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 |
|  | Quyết định | 2342/QĐ-UB ngày 07/12/2000[[63]](#footnote-63) | Về việc trợ cấp 50.000 đồng/tháng cho cán bộ công nhân viên Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và Phổi | 01/01/2000 |  |
|  | Quyết định | 1373/QĐ-UBND ngày 19/6/2003[[64]](#footnote-64) | Sửa đổi khoản c mục 1 phần III Quyết định số 409/QĐ-UB ngày 31/6/1994 về việc ban hành quy định tạm thời một số chế độ chính sách theo chế độ tiền lương mới đối với những người làm việc tại huyện Bạch Long Vỹ | 19/6/2003 |  |
|  | Quyết định | 2252/QĐ-UB ngày 18/9/2003[[65]](#footnote-65) | Về việc quy định tạm thời chế độ ưu đãi đối với Bác sĩ, Dược sĩ đang công tác trong ngành y tế Hải Phòng | 18/9/2003 |  |
|  | Quyết định | 955/QĐ-UBND ngày 11/6/2008[[66]](#footnote-66) | Về việc quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ công chức, viên chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả | 01/06/2008 |  |
|  | Quyết định | 2318/QĐ-UBND ngày 16/11/2009[[67]](#footnote-67) | Về việc ban hành Quy định về chế độ trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng | 16/11/2009 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 4 Quyết định số 2318/QĐ-UBNDLý do: Bãi một phần tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 1263/QĐ-UBND ngày 12/8/2011 | Về việc điều chỉnh giá dịch vụ mai táng, cải táng, hoả táng, cước xe tang phục vụ đám tang trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 22/8/2011 |  |
|  | Quyết định | 239/QĐ-UBND ngày 22/02/2012[[68]](#footnote-68) | Về chính sách hỗ trợ kinh phí phòng chống dịch gia súc, gia cầm trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 20/02/2012 | Hết hiệu lực một phần: Điểm 2.1, Khoản 2, Điều 1; Mục 2.2.2, Khoản 2, Điều 1; Đoạn 4 mục 2.2.2 khoản 2 Điều 1 Quyết định số 239/QĐ-UBNDLý do: Đã bị bãi bỏ một phần tại Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 479/QĐ-UBngày 13/4/2012[[69]](#footnote-69) | Về việc Chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội có tính chất đặc thù trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 13/4/2012 |  |
|  | Quyết định | 2574/QĐ-UBND ngày 26/12/2013[[70]](#footnote-70) | Về việc quy định tạm thời mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuộc phiện bằng chất Methadone tại cac cơ sở điều trị Methadone công lập thuộc thành phố Hải Phòng. | 01/01/2014 |  |
|  | Quyết định | 1819/2014/QĐ-UBND ngày 21/08/2014[[71]](#footnote-71) | Về chế độ tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao lập thành tích thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia | 31/8/2014 |  |
|  | Quyết định | 503/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 | Về việc ban hành Quy định chi tiết thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/3/2015 |  |
|  | Quyết định | 2613/2015/QĐ-UBND ngày 17/11/2015[[72]](#footnote-72) | Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thành phố Hải Phòng | 27/11/2015 |  |
|  | Quyết định | 1406/2016/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 | Ban hành Quy định về quản lý, vận hành tài sản phục vụ công ích không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV do Uỷ ban nhân dân thành phố là chủ sở hữu | 28/7/2016 |  |
|  | Quyết định | 1878/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016[[73]](#footnote-73) | Về việc ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính; Trưởng, Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Uỷ ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 18/9/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điểm i Khoản 1 Điều 3; Điểm c Khoản 2 Điều 3; Điểm b Khoản 4 Điều 3; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 4; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 5; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 6; Khoản 2 và Điểm a Khoản 3 Điều 7 của Quy định ban hành theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 |
|  | Quyết định | 2166/2016/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 | Về việc ban hành Quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 13/10/2016 |  |
|  | Quyết định | 2919/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016 | Quy định quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng | 01/01/2017 |  |
|  | Quyết định | 3208/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016[[74]](#footnote-74) | Về giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017 - 2019 | 01/01/2017 |  |
|  | Quyết định | 3256/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 | Về việc trang bị, quản lý, sử dụng điện thoại phục vụ công tác đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách thành phố | 01/01/2017 |  |
|  | Quyết định | 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017[[75]](#footnote-75) | Ban hành Quy định về cơ chế hỗ trợ lãi xuất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 12/02/2017 | Hết hiệu lực một phầnLý do: Được thay thế một phần tại Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND. |
|  | Quyết định | 644/2017/QĐ-UBND ngày 06/3/2017[[76]](#footnote-76) | Ban hành bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi chưa được xây dựng, cải tạo lại trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/4/2017 |  |
|  | Quyết định | 702/2017/QĐ-UBND | Bãi bỏ Quyết định 2157/2013/QĐ-UBND Quy chế quản lý và cấp phát kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hải Phòng |  |  |
|  | Quyết định | 779/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017[[77]](#footnote-77) | Quy định về đơn giá vận chuyển, bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vỹ | 20/4/2017 |  |
|  | Quyết định | 1180/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017[[78]](#footnote-78) | Ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 28/5/2017 |  |
|  | Quyết định | 03/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017[[79]](#footnote-79) | Về giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/7/2017 |  |
|  | Quyết định | 14/2017/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 | Ban hành giá nước sạch sinh hoạt tại khu vực thuộc Công ty Cổ phần Xây dựng tổng hợp Tiên Lãng quản lý và đầu tư (giai đoạn 2017-2019) | 20/10/2017 |  |
|  | Quyết định | 17/2017/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 | Ban hành Quy định lập dự toán, quyết toán, nội dung chi và mức chi tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/11/2017 |  |
|  | Quyết định | 21/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017[[80]](#footnote-80) | Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn thành phố | 15/11/2017 |  |
|  | Quyết định | 40/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017[[81]](#footnote-81) | Ban hành giá thuê nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đối với các tổ chức cá nhân thuê làm cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 49/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017[[82]](#footnote-82) | Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất trên địa bàn các huyện thành phố Hải Phòng năm 2018 | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 10/2018/QĐ-UBND ngày 05/3/2018[[83]](#footnote-83) | Ban hành bảng giá nhà tính lệ phí trước bạ trên địa bàn thành phố Hải phòng | 15/3/2018 |  |
|  | Quyết định | 12/2018/QĐ-UBND ngày 5/4/2018[[84]](#footnote-84) | Về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải y tế nguy hại của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng | 15/4/2018 |  |
|  | Quyết định | 13/2018/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 | Về giá dịch vụ mai táng, cải táng, sử dụng bể mộ trí tại Nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải | 25/4/2018 |  |
|  | Quyết định | 14/2018/QĐ-UBND ngày 6/6/2018[[85]](#footnote-85) | Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/6/2018 |  |
|  | Quyết định | 18/2018/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/6/2018 |  |
|  | Quyết định | 22/2018/QĐ-UBND ngày 20/8/2018[[86]](#footnote-86) | Về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 231/2017/QĐ-UBND ngày 02/02/2017 về cơ chế hỗ trợ lãi suất vay và cơ chế trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 05/9/2018 |  |
|  | Quyết định | 39/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018[[87]](#footnote-87) | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện chức danh Trưởng, phó các đơn vị thuộc Sở Tài chính, Trưởng, phó trưởng phòng Tài chính - kế hoạch thuộc UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1878/2016/QĐ-UBND ngày 8/9/2016 của UBND thành phố | 05/01/2019 |  |
|  | Quyết định | 02/2019/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 | Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/01/2019 |  |
|  | Quyết định | 16/2019/QĐ-UBND ngày 24/5/2019 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất trên địa bàn các quận thành phố Hải Phòng năm 2019 | 06/5/2019 |  |
|  | Quyết định | 17/2019/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 | Quy định mức hỗ trợ cho người chăn nuôi có lợn mặc bệnh dịch tả lợn Châu Phi buộc phải tiêu hủy trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 06/6/2019 |  |
|  | Quyết định | 24/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 | Về việc hệ số điều chỉnh giá đất để tính thu tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất trên địa bàn các huyện thành phố Hải Phòng năm 2019 | 15/8/2019 |  |
|  | Quyết định | 31/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 | Về việc quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/10/2019 |  |
|  | Quyết định | 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 | Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng | 01/3/2020 |  |
|  | Quyết định | 23/2020/QĐ-UBND ngày 09/09/2020 | Về việc thu, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/09/2020 |  |
|  | Quyết định | 25/2020/QĐ-UBND ngày 18/09/2020 | Quy định tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 30/09/2020 |  |
|  | Quyết định | 43/2020/QĐ-UBND31/12/2020 | QĐ quy định tài sản khác có giá trị lớn sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng | 10/01/2021 |  |
|  | Quyết định | 42/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 | Về Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 43/2021/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 | Quy định về giảm giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hải Phòng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 | 01/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 17/2022/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 | [Quy định về báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công thuộc ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Quyet-dinh-17-2022-QD-UBND-bao-cao-quyet-toan-theo-nien-do-von-dau-tu-cong-Hai-Phong-508457.aspx) | 01/4/2022 |  |
|  | Quyết định | 20/2022/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 | Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/2/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng | 30/4/2022 |  |
|  | Quyết định | 30/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 | [Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Quyet-dinh-30-2022-QD-UBND-tieu-chuan-dinh-muc-xe-o-to-chuyen-dung-cho-cac-co-quan-Hai-Phong-526710.aspx) | 15/6/2022 |  |
|  | Quyết định | 36/2022/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 | Bành hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính Hải phòng | 22/7/2022 |  |
|  | Quyết định | 43/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 | [Ban hành danh mục tài sản, thiết bị mua sắm tập trung trên địa bàn thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Quyet-dinh-43-2022-QD-UBND-danh-muc-tai-san-thiet-bi-mua-sam-tap-trung-Hai-Phong-526711.aspx) | 01/10/2022 |  |
|  | Quyết định | 46/2022/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 | Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/9/2022 |  |
|  | Quyết định | 49/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 về việc ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/9/2022 |  |
|  | Quyết định | 51/2022/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm áp dụng trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2022 | 20/9/2022 |  |
|  | Quyết định | 66/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 | Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng. | 01/12/2022 |  |
| **XIII. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG** |
|  | Nghị quyết | 33/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 | Về thông qua quy hoạch tài nguyên nước thành phố Hải Phòng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 | 20/12/2014 |  |
|  | Nghị quyết | 06/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 | Về nhiệm vụ, giải pháp thu hồi diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền, chậm đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích gây lãng phí tài nguyên đất | 03/4/2016 |  |
|  | Nghị quyết | 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[88]](#footnote-88) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[89]](#footnote-89) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 | Hết hiệu lực một phần: Điểm b khoản 1 Phụ lục số 04 về Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điểm b khoản 1 Phụ lục số 09 về Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Nghị quyết | 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/8/2022 |  |
|  | Quyết định | 2215/QĐ-UBND ngày 20/11/2000 | Về vùng bảo vệ 1 nguồn nước sông Vật Cách - Khu vực Nhà máy nước Vật Cách - An Hải | 01/12/2000 |  |
|  | Quyết định | 1424/QĐ-UB ngày 04/7/2001 | Về việc bảo vệ nguồn nước sông Đa Độ khu vực nhà máy nước Cầu Nguyệt - An Lão | 04/7/2001 |  |
|  | Quyết định | 2089/2014/QĐ-UBND ngày02/10/2014 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 12/10/2014 |  |
|  | Quyết định | 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 | Về việc ban hành Quy định về hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất có vườn, ao; hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng; hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và diện tích tách thửa đất ở | 05/7/2015 | Hết hiệu lực một phần: Điểm 6 Khoản 1 Điều 2 Quy định ban hành theo Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBNDLý do: Đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 20/2018/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 |
|  | Quyết định | 2445/2015/QĐ-UBND ngày 28/10/2015 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp trong việc tổ chức triển khai các Dự án đầu tư về biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 07/11/2015 |  |
|  | Quyết định | 1319/2016/QĐ-UBND ngày 08/7/2016[[90]](#footnote-90) | Ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Uỷ ban nhân dân quận, huyện | 18/7/2016 |  |
|  | Quyết định | 1639/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 | Về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, hoặc cho thuê đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/8/2016 | Hết hiệu lực một phần: Điều 15 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1639/2016/QĐ-UBNDLý do: Đã cược bãi bỏ tại Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 306/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 | Về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đất đai và bảo vệ môi trường | 01/3/2017 |  |
|  | Quyết định | 1180/2017/QĐ-UBND ngày 18/5/2017[[91]](#footnote-91) | Ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 28/5/2017 |  |
|  | Quyết định | 11/2017/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 | Về việc ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/9/2017 |  |
|  | Quyết định | 31/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 | Ban hành quy chế phối hợp về quản lý hoạt động khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 31/12/2017 |  |
|  | Quyết định | 49/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017[[92]](#footnote-92) | Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất trên địa bàn các huyện thành phố Hải Phòng năm 2018 | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 20/2018/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 | Sửa đổi điểm 6 khoản 1 Điều 2 Quy định về hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp thửa đất vườn, ao; hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có nhóm nước thuộc mặt đất chưa sử dụng hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân, và diện tích thửa đất ở ban hành kèm theo Quyết định số 1394/2015/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND thành phố | 01/8/2018 |  |
|  | Quyết định | 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/6/2018 | Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/6/2018 |  |
|  | Quyết định | 40/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 | Giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 |  |
|  | Quyết định | 01/2019/QĐ-UBND ngày 02/01/2019 | Ban hành Quy chế dân chủ trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/01/2019 |  |
|  | Quyết định | 13/2019/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 | Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/5/2019 |  |
|  | Quyết định | 34/2019/QĐ-UBND ngày 20/9/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 30/9/2019 |  |
|  | Quyết định | 45/2019/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 | Ban hành đơn giá đô đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 23/12/2019 |  |
|  | Quyết định | 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 | Quy định về bảng giá đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024) | 10/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 03/2020/QĐ-UBND ngày 07/02/2020 | Ban hành Quy chế phối hợp trong hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai | 15/3/2020 |  |
|  | Quyết định | 18/2021/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 | Quy định về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 21/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 | quy định mức thu tiền sử dụng khu vực biển trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2026 | 01/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 24/2021/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 | Quy định giá dịch vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 01/2022/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 | Về việc quy định tỷ lệ quy đổi số lượng khoáng sản thành phẩm ra số lượng khóang sản nguyên khai để tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 06/2022/QĐ-UBND ngày 21/01/2022 | Ban hành Quy chế tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký đất đai, tài sản khác gắn liền với đất; cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/02/2022 |  |
|  | Quyết định | 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 | Điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố | 08/5/2022 |  |
|  | Quyết định | 24/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 | Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/6/2022 |  |
|  | Quyết định | 29/2022/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 | Quy định giá cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất | 15/6/2022 |  |
|  | Quyết định | 34/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 | Quyết định về việc ban hành quy định chi tiết danh mục các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước trực tiếp quản lý để giao hoặc cho thuê; điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/7/2022 |  |
|  | Quyết định | 48/2022/QĐ-UBND ngày 22/8/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng | 01/9/2022 |  |
|  | Quyết định | 67/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 | Quy định về việc thu hồi đất do bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/12/2022 |  |
|  | Quyết định | 74/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 | Ban hành quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/12/2022 |  |
|  | Quyết định | 75/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 | Bãi bỏ một phần quyết định số 306/2017/QĐ-UBND về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và môi trường thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. | 25/12/2022 |  |
| **XIV. LĨNH VỰC THANH TRA** |
|  | Nghị quyết | 11/2007/NQ-HĐND ngày 25/9/2007[[93]](#footnote-93) | Về một số giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước | 25/9/2007 |  |
|  | Nghị quyết | 10/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[94]](#footnote-94) | Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố; Quy định mức trích kinh phí từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố | 01/8/2018 |  |
|  | Nghị quyết | 07/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định chế độ bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố | 01/8/2022 |  |
|  | Quyết định | 692/2015/QĐ-UBND ngày 03/4/2015 | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra thành phố Hải Phòng | 13/4/2015 |  |
|  | Quyết định | 1809/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan tham gia tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân thành phố Hải Phòng | 06/8/2015 |  |
|  | Quyết định | 1563/2016/QĐ-UBND ngày 04/8/2016[[95]](#footnote-95) | Ban hành quy định tiêu chuẩn đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Thanh tra thành phố, Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra quận, huyện, sở, ngành thành phố Hải Phòng | 14/8/2016 |  |
| **XV. LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** |
|  | Quyết định | 2134/2011/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 | Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hệ thống Hội nghị truyền hình thành phố Hải Phòng. | 07/01/2012 |  |
|  | Quyết định | 3015/2014/QĐ- UBND ngày 29/12/2014 | Ban hành quy chế về hoạt động, tổ chức, sản xuất, phát sóng chuyên mục “Dân hỏi - Giám đốc Sở trả lời” trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng | 08/01/2015 | Hết hiệu lực một phần: Điều 1; khoản 3 Điều 4; khoản 1, 3, 4 Điều 5; khoản 5 Điều 6; khoản 2 Điều 10; khoản 1, 2, 3 Điều 11 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 3015/2014/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 42/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 1063/2015/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 | Về việc ban hành Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 31/5/2015 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 2, 3 Điều 4; khoản 2 Điều 6; khoản 2 Điều 8; khoản 2 Điều 9; khoản 2, 4 Điều 10; khoản 4 Điều 12; Điều 16, Điều 17; khoản 5, 8 Điều 18; khoản 1 Điều 23; khoản 4 Điều 28 Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm Quyết định số 1063/2015/QĐ-UBNDLý do: Được bãi bỏ một phần tại Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 59/2016/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 | Ban hành Quy định về việc quản lý hoạt động của các cơ quan đại diện, phóng viên thường trú thuộc các cơ quan báo chí trong nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 22/01/2016 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 1 Điều 2; điểm a, điểm d khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 4; điểm a, điểm d, điểm f khoản 1 Điều 5 Quy định về việc quản lý hoạt động của các cơ quan đại diện, phóng viên thường trú thuộc các cơ quan báo chí trong nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 59/2016/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 34/2020/QĐ-UBND |
|  | Quyết định | 1900/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016[[96]](#footnote-96) | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hải Phòng | 23/9/2016 |  |
|  | Quyết định | 2993/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 | Ban hành Quy chế đảm bảo toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/12/2016 |  |
|  | Quyết định | 42/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 | Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 30/12/2017 |  |
|  | Quyết định | 43/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin cơ sở tại thành phố Hải Phòng | 15/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 23/2018/QĐ-UBND ngày 28/8/2018[[97]](#footnote-97) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông | 15/9/2018 |  |
|  | Quyết định | 36/2018/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 | Quy định về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/12/2018 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 2 Điều 1; Khoản 1,2,5,6 Điều 3; điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 8; khoản 3 Điều 10 Quyết định số 36/2018/QĐ-UBNDLý do: Được bãi bỏ một phần tại Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 42/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/01/2019 |  |
|  | Quyết định | 42/2019/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về hoạt động, tổ chức sản xuất, phát sóng Chuyên mục "Dân hỏi-Giám đốc Sở trả lời" trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 3015/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố | 01/12/2019 |  |
|  | Quyết định | 43/2019/QĐ-UBND ngày 25/11/2019 | Quy định giá cho thuê hạ tầng kỹ thuật ngầm hóa cáp ngoại vi viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/12/2019 |  |
|  | Quyết định | 29/2020/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 | Ban hành Quy chế tổ chức đối thoại trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng | 21/11/2020 |  |
|  | Quyết định | 32/2020/QĐ-UBND ngày 25/11/2020 | Quy định chế độ nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm đăng tải trên hệ thống Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng | 10/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 34/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 | Sửa đổi Quy định về quản lý hoạt động của các cơ quan đại diện, phóng viên thường trú thuộc các cơ quan báo chí trong nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định 59/2016/QĐ-UBND | 10/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 36/2020/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 1063/2015/QĐ-UBND ngày 21/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 25/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 37/2020/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 11/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý điểm truy nhập Internet công cộng và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/12/2020 |  |
|  | Quyết định | 12/2021/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố Hải Phòng | 15/6/2021 |  |
|  | Quyết định | 13/2021/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/6/2021 |  |
|  | Quyết định | 15/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống Trung tâm Dữ liệu thành phố Hải Phòng | 01/7/2021 |  |
|  | Quyết định | 37/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 | Quy định về giá Báo Hải Phòng hàng ngày | 20/11/2021 |  |
|  | Quyết định | 44/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 | Ban hành đơn giá sản xuất chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị của thành phố | 10/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 33/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 | Ban hành Đơn giá sản xuất chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị của thành phố | 25/6/2022 |  |
| **XVI. LĨNH VỰC TƯ PHÁP** |
|  | Nghị quyết | 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018[[98]](#footnote-98) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 05/2020/NQ-HĐND ngày 22/07/2020 | Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến , giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng |  |  |
|  | Nghị quyết | 14/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 | Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố ban hành | 01/01/2021 |  |
|  | Nghị quyết | 13/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | 74/QĐ-UBND ngày 14/01/2009[[99]](#footnote-99) | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng. | 24/01/2009 |  |
|  | Quyết định | 1627/2009/QĐ-UBND ngày 20/08/2009 | Về việc phân định thẩm quyền công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 30/8/2009 |  |
|  | Quyết định | 2853/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015[[100]](#footnote-100) | Về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Tư pháp thuộc Uỷ ban nhân dân quận, huyện tại thành phố Hải Phòng | 31/12/2015 |  |
|  | Quyết định | 2979/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/01/2016 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 1 Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điều 10; Điều 12 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 2979/2015/QĐ-UBNDLý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định 11/2019/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 31/01/2020 |
|  | Quyết định | 449/2016/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 | Ban hành Quy chế quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu thông tin công chứng hợp đồng, giao dịch về bất động sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 28/3/2016 |  |
|  | Quyết định | 2795/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 | Ban hành Quy chế xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 01/12/2016 |  |
|  | Quyết định | 3425/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 | Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật | 15/01/2017 |  |
|  | Quyết định | 19/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 | Ban hành Quy định về kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/11/2017 |  |
|  | Quyết định | 15/2018/QĐ-UBND ngày 8/6/2018 | Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/6/2018 |  |
|  | Quyết định | 19/2018/QĐ-UBND ngày 12/7/2018 | Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật | 23/7/2018 |  |
|  | Quyết định | 11/2019/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2979/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố | 05/5/2019 |  |
|  | Quyết định | 33/2019/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 | Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật | 01/10/2019 |  |
|  | Quyết định | 51/2019/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 | Ban hành Quy định về Tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 10/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 19/2020/QĐ-UBND ngày 03/8/2020 | Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật | 15/8/2020 |  |
|  | Quyết định | 05/2021/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 | Quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 08/3/2021 |  |
|  | Quyết định | 17/2021/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 | Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật | 01/8/2021 |  |
|  | Quyết định | 11/2022/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 |  Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thành phố Hải Phòng kèm theo Quyết định 15/2018/QĐ-UBND | 10/3/2022 |  |
|  | Quyết định | 23/2022/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 | [Quy chế phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Quyet-dinh-23-2022-QD-UBND-Quy-che-giai-quyet-nuoi-con-nuoi-co-yeu-to-nuoc-ngoai-Hai-Phong-513515.aspx) | 15/5/2022 |  |
|  | Quyết định | 27/2022/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 | [Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-27-2022-QD-UBND-phoi-hop-dang-ky-khai-sinh-va-thuong-tru-tre-duoi-6-tuoi-Hai-Phong-514623.aspx) | 10/6/2022 |  |
|  | Quyết định | 40/2022/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng | 10/8/2022 |  |
|  | Quyết định | 45/2022/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 | Về việc [bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do thành phố Hải Phòng ban hành](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-45-2022-QD-UBND-bai-bo-van-ban-quy-pham-phap-luat-Hai-Phong-527233.aspx) | 01/9/2022 |  |
| **XVII. LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ THAO** |
|  | Nghị quyết | 23/2006/NQ-HĐND ngày 19/12/2006 | Về việc đặt tên một số đường, phố trên địa bàn quận Hải An thành phố Hải Phòng. | 25/12/2006 |  |
|  | Nghị quyết | 11/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 | Về việc đặt tên một số đường, phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2009 |  |
|  | Nghị quyết | 27/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 | Về việc đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng. | 22/12/2013 |  |
|  | Nghị quyết | 08/2015/NQ-HĐND ngày 22/07/2015 | Về việc đặt tên một số đường, phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2015 |  |
|  | Nghị quyết | 147/2016/NQ-HĐND ngày 13/12/2016 | Về việc thông qua quy hoạch tổng thể phát triển văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 | 25/12/2016 |  |
|  | Nghị quyết | 43/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 | Về việc đặt tên một số đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 |  |
|  | Nghị quyết | 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[101]](#footnote-101) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 | Hết hiệu lực một phần: Điểm b khoản 1 Phụ lục số 04 về Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điểm b khoản 1 Phụ lục số 09 về Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Nghị quyết | 01/2020/NQ-HĐND ngày 22/07/2020 | Về việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/8/2020 |  |
|  | Nghị quyết | 04/2020/NQ-HĐND ngày 22/07/2020 | Quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Hải Phòng đạt thành tích tại các giải thể thao khu vực và quốc tế | 01/8/2020 |  |
|  | Nghị quyết | 10/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 | Về việc đặt tên một số phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2022 |  |
|  | Nghị quyết | 14/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về việc đặt tên một số đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | 33-QĐ/TCCQ ngày 05/01/1998[[102]](#footnote-102) | Về việc ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của nhà văn hóa xã, thị trấn. | 05/01/1998 |  |
|  | Quyết định | 1819/2014/QĐ-UBND ngày 21/08/2014[[103]](#footnote-103) | Về chế độ tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao lập thành tích thi đấu tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc, giải vô địch quốc gia, giải trẻ quốc gia | 31/8/2014 |  |
|  | Quyết định | 2822/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 | Ban hành Quy định thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số lễ nghi, sinh hoạt cộng đồng khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 24/12/2015 | Hết hiệc lực một phần: Khoản 3, Điều 3; Điều 7; khoản 2, Điều 8; khoản 1, Điều 9; gạch đầu dòng thứ 5, 6, điểm a, khoản 1, Điều 11; gạch đầu dòng thứ 2, điểm b, khoản 1, Điều 11 Quy định ban hành theo Quyết định số 2822/2015/QĐ-UBNDLý do: Được bãi bỏ một phần tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định 440/QĐ-UBND ngày 28/02/2019 |
|  | Quyết định | 2307/2016/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 | Ban hành Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/10/2016 | Hết hiệc lực một phần: Khoản 1 Điều 4; Khoản 5 Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Khoản 2 Điều 9; Điều 10; Tên Điều 12; Khoản 3 Điều 12; Điều 13; Khoản 2 Điều 14; Khoản 2 Điều 15; Điều 16; Khoản 11 Điều 17; Khoản 3 Điều 18; Khoản 4, 5 Điều 20; Khoản 4 Điều 21; Điều 27; Điều 28 Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2307/2016/QĐ-UBNDLý do: Được bãi bỏ một phần tại Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND; công bố tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 31/01/2021 |
|  | Quyết định | 1283/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017[[104]](#footnote-104) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng | 05/6/2017 |  |
|  | Quyết định | 02/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo ngoài trời trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Quyết định số 2307/2016/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND thành phố Hải Phòng | 31/01/2020 |  |
|  | Quyết định | 21/2020/QĐ-UBND ngày 27/08/2020 | Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/09/2020 |  |
|  | Quyết định | 52/2022/QĐ-UBND ngày 16/9/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hải Phòng | 30/9/2022 |  |
| **XVIII. LĨNH VỰC XÂY DỰNG** |
|  | Nghị quyết | 09/NQ-HĐND ngày 26/9/1995 | Về những biện pháp chủ yếu thực hiện chủ trương bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê hợp pháp trên địa bàn thành phố | 26/9/1995 |  |
|  | Nghị quyết | 20/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 | Về nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển và tăng cường quản lý đô thị theo hướng văn minh hiện đại giai đoạn 2013 - 2015, định hướng đến năm 2025 | 17/12/2012 |  |
|  | Nghị quyết | 22/NQ-HĐND ngày12/12/2013 | Về “Chương trình phát triển nhà ở xã hội thành phố Hải Phòng đến năm 2015, định hướng đến năm 2025”. | 22/12/2013 |  |
|  | Nghị quyết | 05/2016/NQ-HĐND ngày 29/3/2016 | Về thông qua Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung thành phố Hải Phòng | 03/4/2016 |  |
|  | Nghị quyết | 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018[[105]](#footnote-105) | Về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2019 | Hết hiệu lực một phần: Điểm b khoản 1 Phụ lục số 04 về Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Điểm b khoản 1 Phụ lục số 09 về Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND.Lý do: Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Nghị quyết | 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 | Về việc sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ gia đình người có công với cách mạng có khó khăn về nhà ở trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Điều 1 Nghị quyết số 52/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 về cơ chế, chính sách hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở đối với hộ nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2020-2025 | 20/7/2022 |  |
|  | Quyết định | 247/2013/QĐ-UBND ngày 29/01/2013 | Ban hành Quy định về sản xuất cung cấp và tiêu thụ nước sạch; quản lý và bảo vệ công trình cấp nước tại Hải Phòng. | 09/02/2013 |  |
|  | Quyết định | 1983/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 | Về việc ban hành Quy chế quả lý quy hoạch, kiến trúc đô thị mới Ngã 5, Sân bay Cát Bi | 10/9/2015 |  |
|  | Quyết định | 2464/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 | Ban hành Quy định quản lý hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa, mảng xanh công cộng đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 12/11/2015 |  |
|  | Quyết định | 1339/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 | Về việc ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị chung thành phố Hải Phòng | 26/7/2016 |  |
|  | Quyết định | 1406/2016/QĐ-UBND ngày 18/7/2016 | Ban hành Quy định về quản lý, vận hành tài sản phục vụ công ích không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV do UBND thành phố là chủ sở hữu | 28/7/2016 |  |
|  | Quyết định | 2118/2016/QĐ-UBND ngày 26/9/2016[[106]](#footnote-106) | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng | 06/10/2016 |  |
|  | Quyết định | 3208/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016[[107]](#footnote-107) | Về giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2017 - 2019 | 01/01/2017 |  |
|  | Quyết định | 326/2017/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 | Ban hành Quy định quản lý chiếu sáng đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 26/02/2017 | Hết hiệu lực một phần: Khoản 1 Điều 16 Quy định kèm theo Quyết định 326/2017/QĐ-UBNDLý do: Được bãi một phần tại Quyết định 17/2021/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Quyết định | 403/2017/QĐ-UBND ngày 24/02/2017[[108]](#footnote-108) | Ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn; người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Xây dựng; Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị thuộc Uỷ ban nhân dân quận | 01/3/2017 |  |
|  | Quyết định | 644/2017/QĐ-UBND ngày 06/3/2017[[109]](#footnote-109) | Ban hành bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi chưa được xây dựng, cải tạo lại trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/4/2017 |  |
|  | Quyết định | 779/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017[[110]](#footnote-110) | Quy định về đơn giá vận chuyển, bốc xếp vật liệu xây dựng từ Hải Phòng ra đảo Bạch Long Vỹ | 20/4/2017 |  |
|  | Quyết định | 40/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017[[111]](#footnote-111) | Ban hành giá thuê nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước đối với các tổ chức cá nhân thuê làm cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 46/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 | Ban hành Quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn thành phố | 08/01/2018 | Hết hiệu lực một phần: Điều 4 Quy định kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-UBNDLý do: Được bãi một phần tại Quyết định 17/2021/QĐ-UBND; Công bố tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 31/01/2022 |
|  | Quyết định | 47/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 | Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 08/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 10/2018/QĐ-UBND ngày 05/3/2018[[112]](#footnote-112) | Ban hành bảng giá nhà tính lệ phí trước bạ trên địa bàn thành phố Hải phòng | 15/3/2018 |  |
|  | Quyết định | 12/2018/QĐ-UBND ngày 5/4/2018[[113]](#footnote-113) | Về giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải y tế nguy hại của Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng | 15/4/2018 |  |
|  | Quyết định | 31/2018/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 | Ban hành Quy định về việc chuyển giao, tiếp nhận nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do các cơ quan, đơn vị tự quản trên địa bàn thành phố chuyển giao sang Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng | 5/11/2018 |  |
|  | Quyết định | 34/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/12/2018 |  |
|  | Quyết định | 12/2019/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp trong việc xây dựng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên thị trường thành phố Hải Phòng | 05/5/2019 |  |
|  | Quyết định | 19/2019/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kĩ thuật đô thị, quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/6/2019 |  |
|  | Quyết định | 10/2021/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 | Quy định về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn thành phố | 01/5/2021 |  |
|  | Quyết định | 27/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 | Về Bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 25/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 31/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 | Ban hành Quy chế quản lý khu nhà ở sinh viên tập trung thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/10/2021 |  |
|  | Quyết định | 03/2022/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 | ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 05/2022/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 | Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý, sử dụng nhà chung cư thuộc sở hữu Nhà nước đã được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 30/01/2022 |  |
|  | Quyết định | 07/2022/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 | Ban hành quy định về bàn giao và tiếp nhận công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 07/3/2022 |  |
|  | Quyết định | 12/2022/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 | Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 21/3/2022 |  |
|  | Quyết định | 19/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 | Ban hành quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 21/4/2022 |  |
|  | Quyết định | 26/2022/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 | Về giá bán nước sạch tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP do công ty TNHH VSIP Hải Phòng sản xuất và cung cấp (giai đoạn 2022-2023) | 30/5/2022 |  |
|  | Quyết định | 38/2022/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 | [Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xay-dung-Do-thi/Quyet-dinh-38-2022-QD-UBND-huong-dan-noi-dung-cap-giay-phep-xay-dung-Hai-Phong-523052.aspx) | 01/8/2022 |  |
|  | Quyết định | 53/2022/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 | Ban hành Quy định di dời bố trí chỗ ở tạm thời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thực hiện cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 10/10/2022 |  |
|  | Quyết định | 60/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 | Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định quản lý hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa, mảng xanh công cộng đô thị trên địa bàn thành phố Hải Phòng ban hành kèm theo quyết định số 2464/2015/QĐ-UBND ngày 02/11/2015 của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 11/11/2022 |  |
|  | Quyết định | 63/2022/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 | Ban hành bảng giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước tại các chung cư mới sau khi cải tạo xây dựng lại trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/12/2022 |  |
| **XIX. LĨNH VỰC Y TẾ** |
|  | Nghị quyết | 10/2014/NQ-HĐND ngày 05/5/2014 | Về nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tinh thần phục vụ trong khám, chữa bệnh đến năm 2020, đáp ứng yêu cầu xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm y tế vùng duyên hải Bắc Bộ | 15/5/2014 |  |
|  | Nghị quyết | 11/2020/NQ-HĐND 12/3/2020 | Về một số nhiệm vụ, giải pháp phòng chống dịch Covid-19, ổn định tình hình kinh tế - xã hội thành phố | 12/3/2020 | Hết hiệu lực một phần: Nội dung: “Hỗ trợ lực lượng tham gia phòng, chống dịch tại các chốt, trạm kiểm dịch ở các đầu mối giao thông ra, vào vùng cách ly (có dịch) theo Quyết định của cấp có thẩm quyền với mức: 65.000 đồng/người/ngày làm việc” quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐNDLý do: Được bãi bỏ tại Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND; Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND |
|  | Nghị quyết | 15/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | 16/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Nghị quyết | 17/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 | Về quy định giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế tại các cơ sở điều trị của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/01/2023 |  |
|  | Quyết định | 1786/QĐ-UB ngày 08/10/1999 | Về việc phụ cấp đối với Bác sĩ về tăng cường cho y tế cơ sở | 01/10/1999 |  |
|  | Quyết định | 2252/QĐ-UB ngày 18/9/2003[[114]](#footnote-114) | Về việc quy định tạm thời chế độ ưu đãi đối với Bác sĩ, Dược sĩ đang công tác trong ngành y tế Hải Phòng | 18/9/2003 |  |
|  | Quyết định | 2342/QĐ-UB ngày 07/12/2000[[115]](#footnote-115) | Về việc trợ cấp 50.000 đồng/tháng cho cán bộ công nhân viên Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và Phổi | 01/01/2000 |  |
|  | Quyết định | 1254/2012/QĐ-UBND ngày 09/8/2012 | Về việc quy định số lượng, quy trình xét chọn, quản lý và chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn | 19/8/2012 |  |
|  | Quyết định | 2574/QĐ-UBND ngày 26/12/2013[[116]](#footnote-116) | Về việc quy định tạm thời mức giá dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuộc phiện bằng chất Methadone tại cac cơ sở điều trị Methadone công lập thuộc thành phố Hải Phòng. | 01/01/2014 |  |
|  | Quyết định | 2847/2015/QĐ-UBND ngày 21/12/2015 | Ban hành Quy chế phối hợp giữa Sở Y tế và Uỷ ban nhân dân quận, huyện trong quản lý, điều hành hoạt động của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 31/12/2015 |  |
|  | Quyết định | 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 | Ban hành Quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/10/2018 |  |
|  | Quyết định | 16/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 | Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế thành phố Hải Phòng | 15/7/2021 |  |
|  | Quyết định | 37/2022/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 | [Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo cấp trưởng, cấp phó các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tại thành phố Hải Phòng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyet-dinh-37-2022-QD-UBND-tieu-chuan-lanh-dao-cap-truong-pho-don-vi-thuoc-So-Y-te-Hai-Phong-524238.aspx) | 01/8/2022 |  |
|  | Quyết định | 73/2022/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 | Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng | 19/12/2022 |  |
| **XX. LĨNH VỰC KHÁC** |
| **1. BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ** |
|  | Quyết định | 2655/2014/QĐ- UBND ngày 28/11/2014 | Ban hành quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Uỷ ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao | 08/12/2014 |  |
|  | Quyết định | 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018[[117]](#footnote-117) | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 15/01/2018 |  |
|  | Quyết định | 15/2019/QĐ-UBND ngày 13/05/2019 | Ban hành Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong Khu Kinh tế Đình Vũ và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 20/5/2019 |  |
|  | Quyết định | 25/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 | Ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn và tương đương, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng | 15/8/2019 |  |
|  | Quyết định | 07/2020/QĐ-UBND 20/4/2020 | Ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ và phối hợp xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 01/5/2020 |  |
|  | Quyết định | 06/2021/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 | Quy định quản lý tạm trú đối với người nước ngoài làm việc tại doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 28/3/2021 |  |
|  | Quyết định | 02/2022/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với khu kinh tế Đình Vũ Cát Hải và các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng |  |  |
| **2. CỤC THỐNG KÊ THÀNH PHỐ** |
|  | Quyết định | 20/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 | Ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 15/11/2017 |  |
| **3. VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ** |
|  | Quyết định | 3180/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 | Ban hành Quy định tiêu chí đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ Uỷ ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố giao đối với người đứng đầu sở, ngành, đơn vị và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các quận, huyện tại thành phố Hải PHòng | 29/12/2016 |  |
|  | Quyết định | 3133/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 | Ban hành quy định về việc gửi, nhận, xử lý và lưu trữ văn bản điện tử qua môi trường mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước thành phố Hải Phòng | 01/01/2017 |  |
|  | Quyết định | 38/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018[[118]](#footnote-118) | Ban hành quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị thuộc Văn phòng UBND thành phố, Chánh Văn phòng, phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 28/12/2018 |  |
|  | Quyết định | 43/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 | Sửa đổi, bổ sung một số điều quy chế theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Uỷ ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố và nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao ban hành kèm theo Quyết định 2655/2014/QĐ- UBND ngày 28/11/2014 của UBND thành phố. | 10/01/2019 |  |
|  | Quyết định | 44/2019/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 | Quy định về đánh giá và phân loại mức độ thực hiện nhiệm vụ UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố giao đối với người đứng đầu sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND thành phố và Chủ tịch UBND các quận, huyện tại thành phố Hải Phòng | 20/12/2019 |  |
|  | Quyết định | 15/2020/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 | quy định về chế độ báo cáo định kỳ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng | 04/7/2020 |  |
|  | Quyết định | 23/2021/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 | Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác hệ thống Cổng thông tin điện tử thành phố Hải Phòng | 15/9/2021 |  |
|  | Quyết định | 28/2022/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 | Ban hành quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân thành phố | 01/6/2022 |  |
|  | Quyết định | 79/2022/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | 06/01/2023 |  |
| 94 Nghị quyết và 349 Quyết định= 443 VBQPPL |

1. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính, Tài nguyên môi trường, Văn hóa thể thao, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định này có trong lĩnh vực Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-2)
3. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-3)
4. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-4)
5. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-5)
6. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính; Nội vụ [↑](#footnote-ref-6)
7. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội [↑](#footnote-ref-7)
8. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-8)
9. Quyết định này có trong lĩnh vực An ninh trật tự [↑](#footnote-ref-9)
10. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-10)
11. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-11)
12. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-12)
13. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-13)
14. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính, An ninh trật tự, Văn hóa thể thao, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng [↑](#footnote-ref-14)
15. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-15)
16. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-16)
17. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-17)
18. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp [↑](#footnote-ref-18)
19. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-19)
20. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Giáo dục và đào tạo [↑](#footnote-ref-20)
21. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo;Tài chính [↑](#footnote-ref-21)
22. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-22)
23. Quyết định này có trong lĩnh vực Văn hóa và thể thao [↑](#footnote-ref-23)
24. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-24)
25. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-25)
26. Quyết định này có trong lĩnh vực Tư pháp [↑](#footnote-ref-26)
27. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-27)
28. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-28)
29. Quyết định này có trong lĩnh vực Tư pháp [↑](#footnote-ref-29)
30. Quyết định này có trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư [↑](#footnote-ref-30)
31. Quyết định này có trong lĩnh vực Khoa học và Công nghệ [↑](#footnote-ref-31)
32. Quyết định này có trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo [↑](#footnote-ref-32)
33. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường [↑](#footnote-ref-33)
34. Quyết định này có trong lĩnh vực Thanh tra [↑](#footnote-ref-34)
35. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-35)
36. Quyết định này có trong lĩnh vực Thông tin và truyền thông [↑](#footnote-ref-36)
37. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-37)
38. Quyết định này có trong lĩnh vực Ngoại vụ [↑](#footnote-ref-38)
39. Quyết định này có trong lĩnh vực Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-39)
40. Quyết định này có trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [↑](#footnote-ref-40)
41. Quyết định này có trong lĩnh vực Công thương [↑](#footnote-ref-41)
42. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-42)
43. Quyết định này có trong lĩnh vực Văn hóa và thể thao [↑](#footnote-ref-43)
44. Quyết định này có trong lĩnh vực Du lịch [↑](#footnote-ref-44)
45. Quyết định này có trong lĩnh vực Khác [↑](#footnote-ref-45)
46. Quyết định này có trong lĩnh vực Thông tin và truyền thông [↑](#footnote-ref-46)
47. Quyết định này có trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [↑](#footnote-ref-47)
48. Quyết định này có trong lĩnh vực khác [↑](#footnote-ref-48)
49. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-49)
50. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-50)
51. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-51)
52. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-52)
53. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-53)
54. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-54)
55. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Thanh tra [↑](#footnote-ref-55)
56. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo [↑](#footnote-ref-56)
57. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Thanh tra [↑](#footnote-ref-57)
58. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ [↑](#footnote-ref-58)
59. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp [↑](#footnote-ref-59)
60. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Lao động, Thương binh và Xã hội [↑](#footnote-ref-60)
61. Nghị quyết này có trong lĩnh vực An ninh trật tự, Tài nguyên môi trường, Văn hóa thể thao, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng [↑](#footnote-ref-61)
62. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-62)
63. Quyết định này có trong lĩnh vực Y tế [↑](#footnote-ref-63)
64. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-64)
65. Quyết định này có trong lĩnh vực Y tế [↑](#footnote-ref-65)
66. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-66)
67. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-67)
68. Quyết định này có trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [↑](#footnote-ref-68)
69. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-69)
70. Quyết định này có trong lĩnh vực Y tế [↑](#footnote-ref-70)
71. Quyết định này có trong lĩnh vực Văn hóa và thể thao [↑](#footnote-ref-71)
72. Quyết định này có trong lĩnh vực Khoa học và công nghệ [↑](#footnote-ref-72)
73. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-73)
74. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-74)
75. Quyết định này có trong lĩnh vực Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-75)
76. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-76)
77. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-77)
78. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường [↑](#footnote-ref-78)
79. Quyết định này có trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [↑](#footnote-ref-79)
80. Quyết định này có trong lĩnh vực Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-80)
81. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-81)
82. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường [↑](#footnote-ref-82)
83. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-83)
84. Quyết định này có trong lĩnh vực Xây dựng [↑](#footnote-ref-84)
85. Quyết định này có trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [↑](#footnote-ref-85)
86. Quyết định này có trong lĩnh vực Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-86)
87. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-87)
88. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tư pháp [↑](#footnote-ref-88)
89. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính, An ninh trật tự, Văn hóa thể thao, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng [↑](#footnote-ref-89)
90. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-90)
91. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-91)
92. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-92)
93. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-93)
94. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-94)
95. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-95)
96. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-96)
97. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-97)
98. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính [↑](#footnote-ref-98)
99. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-99)
100. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-100)
101. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính, An ninh trật tự, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng [↑](#footnote-ref-101)
102. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-102)
103. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-103)
104. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-104)
105. Nghị quyết này có trong lĩnh vực Tài chính, An ninh trật tự, Văn hóa thể thao, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường [↑](#footnote-ref-105)
106. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-106)
107. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-107)
108. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-108)
109. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-109)
110. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-110)
111. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-111)
112. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-112)
113. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-113)
114. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-114)
115. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-115)
116. Quyết định này có trong lĩnh vực Tài chính [↑](#footnote-ref-116)
117. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-117)
118. Quyết định này có trong lĩnh vực Nội vụ [↑](#footnote-ref-118)